TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2025
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Hưỡng**

2. Ông **Nguyễn Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Kim C**, sinh ngày 09/6/1989, địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Trung E**, sinh ngày 01/01/1986, địa chỉ cư trú: Khóm E, xã C, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên toà: Chị C có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn anh Trung E vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị **Nguyễn Kim C** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trung E xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không còn hạnh phúc. Nay, chị C nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh Trung E.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Gia T, sinh ngày 19/12/2012 (giới tính: Nam). Khi ly hôn, chị C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Chị C không có yêu cầu.

Nay, chị C yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh **Nguyễn Trung E**: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Toà án ngày 21/7/2025, đối với cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị Nguyễn Kim C.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Đối với nguyên đơn là chị C đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn bị đơn là anh Trung E đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên, là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", bị đơn là anh Trung E có nơi cư trú tại Khóm E, xã C, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 71 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau đăng ký cấp ngày 16/5/2012. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Trung E được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C xác định hôn nhân giữa chị và anh Trung E đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu được ly hôn với anh Trung E. Đối với anh Trung E vắng mặt, cho thấy anh Trung E đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với chị C. Tại Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 21/7/2025 chị C kiên quyết ly hôn với anh Trung E.

Xét, theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;". Như vậy, cho thấy hôn nhân giữa chị C và anh Trung E đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị Cầu là có căn cứ được chấp nhận, cho chị C được ly hôn với anh Trung E phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Theo chị C xác định, giữa chị và anh Trung E có 01 người con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 19/12/2012 (giới tính: Nam).

Khi ly hôn, chị C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến tuổi trưởng thành.

Xét, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2025 cháu T trên 07 tuổi, phải ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Toà án ngày 21/7/2025, đối với cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị C, nguyện vọng này của cháu T là phù hợp với yêu cầu của chị C nên có cơ sở được chấp nhận.

Đối với anh Trung E vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

Xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu T cho chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phù hợp tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Chị C không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, chị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 51, 55, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim C.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Trung E.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 19/12/2012 (giới tính: Nam), cho chị Nguyễn Kim C được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Gia T đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí:

Chị Nguyễn Kim C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng chị C đã dự nộp tại Biên lai thu 0000337 ngày 04/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang